

ĐỐI CHIẾU BỘ LUẬT TRIỀU LÊ VÀ BỘ LUẬT TRIỀU NGUYỄN VỀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHO PHỤ NỮ VÀ QUAN LẠI

TRẦN THỊ THANH THANH*

Quá trình xây dựng hệ thống pháp luật của triều Lê được bắt đầu ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi (1428) và bước hoàn thiện căn bản là sự ra đời của bộ *Quốc triều hình luật*. Bộ luật này được coi là “tập đại thành” của toàn bộ nền pháp luật thời Lê, qua nhiều lần được san định, bổ sung, hoàn thiện, trên cơ sở tổng hợp, hoàn chỉnh các điều luật và các văn bản pháp luật đã được ban hành trong các đời vua. Bộ luật có 722 điều, tập hợp thành 6 quyển, chia thành 13 chương: *Danh lệ* (tên gọi luật lệ), *Cấm vệ* (canh giữ bảo vệ), *Vi chế* (làm trái pháp luật), *Quân chính* (luật về quân đội), *Hộ hôn* (hôn nhân gia đình), *Điền sản* (tài sản ruộng đất), *Thông gian* (gian dâm), *Đạo tặc* (trộm cướp), *Đấu tụng* (đánh nhau kiện cáo), *Trá nguy* (gian dối), *Tạp luật* (luật về nhiều việc), *Bộ vong* (bắt tội phạm trốn), *Đoán ngục* (xử án).

Bộ luật triều Nguyễn có tên gọi *Quốc triều luật lệ*¹ khi được ban hành lần đầu vào tháng 8 năm Ất Hợi (1815) dưới triều vua Gia Long, sau này có tên gọi là *Hoàng Việt luật lệ*. Bộ luật đã được biên soạn và tiếp tục hoàn chỉnh qua các triều vua Nguyễn, là một bộ luật tổng hợp gồm 22 quyển với 398 điều. Ngoài phần đầu là *Luật mục* gồm chỉ dẫn, biểu đồ,

* TS. Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

¹ *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục* (1963), bản dịch của Viện Sử học, Hà Nội, tập 4, tr.256.

định nghĩa một số từ dùng trong bộ luật, và phần cuối là *Ty dân luật*² có 30 mục, bộ luật có nội dung chính bao gồm các phần: *Danh lệ* (45 điều), *Lại luật* (27 điều), *Hộ luật* (66 điều), *Lễ luật* (26 điều), *Binh luật* (58 điều), *Hình luật* (166 điều), *Công luật* (10 điều). Các điều khoản trong bộ luật có một đặc điểm chung là xử lý các vi phạm bằng hình phạt, nên toàn bộ bộ luật có tính chất là một bộ luật hình.

1. Những tương đồng về nội dung

Bộ luật triều Lê - *Quốc triều hình luật*, và bộ luật triều Nguyễn - *Quốc triều luật lệ*, có một điểm tương đồng rõ nhất: đó là bộ luật bảo vệ Nhà nước phong kiến và những trật tự kỷ cương xã hội theo quan điểm Nho giáo, nền tảng cho sự tồn tại của quốc gia. Một trong những quy định đầu tiên được luật đề cập là *Thập ác*³, gồm các tội được coi là nguy hiểm nhất: mưu phản, mưu đại nghịch, mưu chống đối, bắt kính, bắt hiếu, bắt nghĩa... Bất cứ người nào phạm một trong mười tội này đều bị trừng trị ở mức hình phạt cao nhất là xử tử, không được xét chiếu cố, không được chuộc tội bằng tiền, không được miễn giảm khi có lệnh ân xá. Những hành vi xâm phạm an ninh và biên giới quốc gia, tiết lộ bí mật quốc gia đều bị cấm và phạt đến mức xử chém...

Hoàng Việt luật lệ có 398 điều, ít hơn so với *Quốc triều hình luật* có 722 điều. Trong số 398 điều của *Hoàng Việt luật lệ*, có 252 điều tương tự với *Quốc triều hình luật*. Trong số 252 điều này, có những nội dung phản ánh thực tế xã hội Việt Nam, phù hợp với đạo lý truyền thống của dân tộc. Chẳng hạn, phần *Thập ác* của hai bộ luật đều quy định tử hình những tội “bắt hiếu”, “bắt mục”, “nội loạn”, phù hợp với yêu cầu gìn giữ đạo hiếu và trật tự của gia đình Việt Nam. Trong quy định xét giảm tội cho

² *Ty dân luật* điều: điều luật so sánh những trường hợp phạm pháp chưa được quy định với các trường hợp tương đương để định hình phạt.

³ *Thập ác* (Mười tội ác), theo *Quốc triều hình luật (luật hình triều Lê)* (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 36-37; *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)* (1994), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 2, tr. 105-108: 1/Mưu phản: mưu cướp ngôi, làm nguy đến xã tắc; 2/ Mưu đại nghịch: mưu phá huỷ tông miếu, lăng tẩm, cung điện nhà vua; 3/ Mưu bạo: mưu chống đối, phản nước theo giặc; 4/Ác nghịch: đánh và mưu giết ông bà, cha mẹ, họ hàng thân tộc...5/ Bắt đạo: giết một lúc nhiều người không đáng tội chết, giết người dã man, bỏ thuốc độc bùa mê; 6/ Đại bắt kính: ăn trộm đồ thờ trong lăng miếu, đồ dùng của nhà vua, làm giả ấn tín của vua, phạm tới sức khỏe của vua, chỉ trích vua...7/ Bắt hiếu: tố cáo, rủa mắng ông bà cha mẹ, trái lời cha mẹ dạy bảo, nuôi nấng cha mẹ thiếu thốn, có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi ăn mặc như thường...8/ Bắt mục: giết hay đem bán những người thân tộc, phụ nữ đánh đập và tố cáo chồng...9/ Bắt nghĩa: dân giết quan đương tại nhiệm, trò giết thầy học, vợ không làm tang lễ cho chồng, chồng chết lại vui chơi ăn mặc như thường, cải giá; 10/ Nội loạn: gian dâm với người trong họ, hoặc với thê thiếp của ông cha).

những người thuộc hạng *Bát nghị*⁴ thì “nghị hiền”, “nghị năng”, “nghị cần” phù hợp với truyền thống quý người có đức có tài, trọng người tận tụy siêng năng việc nước. Một số điều khoản trong hai bộ luật phần nào phù hợp với truyền thống nhân đạo, nhân ái của dân tộc Việt Nam: Trong *Quốc triều hình luật*, người già từ 90 tuổi trở lên, trẻ con từ 7 tuổi trở xuống đều có bị tội chết cũng không hành hình (Điều 16)⁵. Người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và người phế tật nếu phạm tội đều không bị tra tấn (Điều 665)⁶. Đản bà có thai dù phạm tội tử hình cũng để sau khi sinh con 100 ngày mới bị đem xử tội (Điều 680)⁷. Luật miễn tội cho kẻ tự thú, tự biết lỗi lầm (Điều 20)⁸. Học trò đánh và lăng mạ thầy học sẽ bị xử nặng hơn tội đánh và lăng mạ người thường 3 bậc, đánh chết thầy học thì bị xử chém (Điều 489)⁹. Những quan coi ngục vô cớ hành hạ, đánh đập tù nhân hoặc bớt xén áo quần, cơm của tù nhân... sẽ bị xử đến hình phạt đồ (khô sai), lưu (đi đày) (Điều 707)¹⁰. Luật cấm các hình quan tra khảo tù phạm quá 3 lần, nếu tù nhân bị bệnh ung nhọt thì hình quan phải đợi họ khỏi mới được tra khảo (Điều 669)¹¹. Con cháu được phép chịu thay ông bà, cha mẹ những hình phạt như đánh bằng roi, đánh bằng trượng, và được giảm một bậc tội (Điều 38)¹². Tương tự như vậy, trong *Hoàng Việt luật lệ*, người từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và người tàn phế được chuộc tội bằng tiền; người từ 90 tuổi trở lên và 7 tuổi trở xuống dù có phạm tội cũng được miễn hình phạt, trừ phạm tội phản nghịch thì điều này không được áp dụng (Điều 21)¹³. Luật cấm các quan

⁴ *Bát nghị* (Tám điều được nghị xét giảm tội) (1991), theo *Quốc triều hình luật (luật hình triều Lê)*, bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 36-37; *Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long)* (1994), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 2, tr. 109-112 : 1/ Nghị thân: họ hàng tôn thất nhà vua trong 3 thế hệ, họ hàng của hoàng thái hậu, hoàng hậu; 2/ Nghị cổ: những người cô cưu, đã theo giúp vua lâu ngày, hoặc những người giúp việc từ triều trước; 3/ Nghị hiền: những người có đức hạnh lớn; 4/ Nghị năng: những người có tài năng lớn; 6/ Nghị công: những người có công lao lớn; 6/ Nghị quý: những quan viên có chức từ tam phẩm trở lên hay có tước từ nhị phẩm trở lên; 7/ Nghị cần: những người cần cù chăm chỉ; 8/ Nghị tân: những người là con cháu các triều trước.

⁵ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 40.

⁶ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 226.

⁷ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 231.

⁸ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 42.

⁹ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 178.

¹⁰ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 240.

¹¹ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 227.

¹² *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr. 46.

¹³ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 2, tr.151-152.

xử án dùng hình phạt tra khảo người già từ 70 tuổi trở lên, trẻ em từ 15 tuổi trở xuống và những người bị tàn phế (Điều 369)¹⁴. Đản bà mang thai nếu phạm tội được phép chờ 100 ngày sau khi sinh mới bị tra khảo, người có chồng được giao cho chồng quản lý, người chưa có chồng được giao cho người thân quản lý (Điều 385)¹⁵. Người phạm tội biết lỗi mà tự thú, “đem tội mình đã phạm viết ra giấy trình pháp quan” được giảm hình phạt đến miễn tội (Điều 24)¹⁶. Những kẻ dám đánh hoặc mưu sát, cố sát thầy học của mình bị trừng phạt nặng đến mức xử chém (Điều 280)¹⁷. Luật cấm quan lại thụ lý việc hình án tự ý đối xử tàn tệ, đánh tù nhân bị thương, hoặc cắt giảm áo quần, lương thực của họ, nếu vi phạm để tù nhân chết sẽ bị xử phạt treo cổ (Điều 363)¹⁸...

Điểm tương đồng đặc biệt có ý nghĩa tiến bộ là trong một xã hội phong kiến có quan niệm phổ biến “trọng nam khinh nữ”, bộ luật triều Lê và bộ luật triều Nguyễn có một số điều khoản phần nào bảo vệ quyền lợi, địa vị của người phụ nữ trong hôn nhân gia đình và sở hữu tài sản. Điều 322 bộ luật triều Lê có quy định rằng người con gái đã được hứa gả chồng, nhưng chưa thành hôn có thể kêu lên quan xin trả lại sinh lễ nếu biết chồng chưa cưới có ác tật hay phạm tội hoặc phá tán gia sản¹⁹. Người vợ có quyền xin ly hôn nếu bị chồng bỏ rơi trong 5 tháng (Điều 308)²⁰. Khi ly hôn hoặc khi chồng chết, người vợ được quyền hưởng phần tài sản riêng của mình và được chia một phần tài sản chung do vợ chồng cùng tạo nên (Điều 374, 375)²¹. Trong gia đình, con gái được quyền hưởng phần gia tài, được chia tài sản bình đẳng như con trai, nếu gia đình không có con trai, con gái trưởng được quyền kế thừa hương hỏa (Điều 388, 391, 395)²². Một số điều khoản được quy định cụ thể

¹⁴ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 5, tr.981.

¹⁵ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 5, tr.1023.

¹⁶ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 2, tr.164-172.

¹⁷ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 4, tr.761.

¹⁸ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 5, tr.969.

¹⁹ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.123

²⁰ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.120.

²¹ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.138-139.

²² *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.144-147.

nhằm bảo vệ nhân cách, phẩm giá, tính mạng của người con gái (Điều 402, 403, 404...) ²³

Trong bộ luật triều Nguyễn, người vợ bị chồng đánh gây thương tích được thừa kiện chồng, luật đồng thời hướng dẫn cụ thể cho quan lại thụ lý vụ kiện cách xử và trị tội người chồng: "... Hễ vợ thưa lên là bị tội... Chồng đánh vợ đến chết bị xử treo cổ, đánh thiếp đến chết bị phạt trăm trượng, đồ 3 năm... Người vợ li dị cho về nhà cũ. Vợ chồng hợp nhau vì nghĩa, mà đánh đến thương tích trở lên thì đã dứt nghĩa, cho nên pháp luật cho phép li dị" (Điều 284) ²⁴. "Nếu phụ nữ đang mang thai phạm tử tội thì cho phép bà mẹ vào nơi giam cầm chăm sóc, cũng cho phép sau khi sinh nở 100 ngày mới hành hình. Chưa sinh nở mà hành hình thì kẻ thi hành bị phạt 70 trượng..." (Điều 385) ²⁵. Những quan lại, cường hào ý thể cường bức, chiếm đoạt đàn bà, con gái nơi trị nhậm bị phạt nặng: "Phạm các quan dân làm việc ở phủ, châu, huyện mà cưới phụ nữ bộ dân làm thê thiếp thì phạt 100 trượng... Ý thể mạnh mà cưới bắt ép thì tăng thêm hai bậc tội, nhà gái không bị tội" (Điều 104) ²⁶.

Luật triều Nguyễn cũng phạt nặng người chồng, người cha cầm cố vợ và con gái: "Phạm người chồng nhận tiền làm tờ giao kèo cầm cố thê thiếp cho người khác làm thê thiếp thì phạt 80 trượng, cha mẹ cầm cố con gái thì phạt 60 trượng" (Điều 95) ²⁷. Cha mẹ có con gái đã gả chồng thì không được quyền can thiệp đến hôn nhân của con mình: "Phạm đui người ở rể, gả con chỗ khác hay bắt rể khác, phạt 100 trượng, nhà trai lấy sau, biết mà vẫn cưới (hay ở rể sau) thì cũng đồng tội" (Điều 97) ²⁸.. Điểm đặc biệt tiến bộ là luật cho phép người phụ nữ được quyền ly hôn, theo Điều 108: "Nếu vợ chồng trọ ý không vui, cả hai đều muốn ly dị, tình thì không hợp, ân đã lia không thể nào hòa lại được thì chiếu theo điều không nên bỏ, trạng thái nghĩa tuyệt, cho phép ly dị, không bị tội" ²⁹.

²³ Quốc triều hình luật (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.149.

²⁴ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 4, tr.776-777.

²⁵ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 4, tr.1023-1024.

²⁶ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 4, tr.333-334.

²⁷ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 3, tr.320.

²⁸ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 3, tr.323.

²⁹ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), Hoàng Việt luật lệ (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 3, tr.345.

Người con gái đã có hôn ước nhưng “trong hạn 5 năm không mắc lỗi làm nào mà không gả, và chồng đi 3 năm không về thì cho phép thưa lên quan cấp chấp chiếu cho cải giá, cũng không đòi tiền cưới” (Điều 108)³⁰.

Bộ luật triều Nguyễn có những điều khoản tương tự bộ luật triều Lê, cho phép phụ nữ phạm tội chịu chế độ hình phạt nhẹ hơn so với nam giới: cho phép chuộc tội bằng tiền, được miễn hình phạt khi đang có thai, được miễn trọng hình hoặc thay trọng bằng xuy (roi). Luật phạt nặng tội chồng đánh vợ, chồng thờ ơ vô trách nhiệm, chồng đi lâu ngày bỏ mặc vợ..., xử tử những kẻ cưỡng bức phụ nữ muốn giữ tiết với chồng, cưỡng bức con gái chưa chồng, cưỡng bức bé gái dưới 12 tuổi...(Điều 332)³¹. Như vậy, bộ luật triều Nguyễn đã thể hiện tinh thần nhân đạo, sự kế thừa và phát huy tinh thần tôn trọng phụ nữ trong luật pháp triều Lê.

Các phần *Lại luật*, *Hộ luật*, *Hình luật*³²... của *Hoàng Việt luật lệ* có nhiều điều khoản tương tự với các chương *Vệ cấm*, *Vi chế*, *Hộ hôn*, *Điền sản*...³³ của *Quốc triều hình luật* về nội dung dành cho quan chức nhà nước, phản ánh phần nào sự quan tâm của chính quyền đến đời sống của nhân dân, sự chế tài của pháp luật đối với quan lại đang thi hành công vụ và trong quan hệ với dân. Theo nội dung những điều khoản này, cả trong thời Lê và thời Nguyễn, quan lại không làm tròn “chức phận làm quan”, không lo “hưng lợi trừ hại cho dân”, để trộm cướp hoành hành, để dân lành phải tha phương cầu thực, làm quan mà không chăm sóc người cô quả, đói nghèo, tật bệnh trong địa hạt mình cai trị, không lo đốc thúc việc nông tang và bảo vệ mùa màng...đều bị trừng phạt từ giáng chức, bãi chức đến lưu, đồ (lưu đày, khổ sai). Quan lại sẽ bị phạt đến mức lưu đày hoặc bị chém nếu cố ý làm trái chiếu chỉ của vua, ăn hối lộ, tham nhũng, bóc lột sách nhiễu dân, bắt dân đóng góp, ức hiếp chiếm đoạt tài sản và ruộng vườn của dân, chiếm đất công xây nhà cửa dinh thự, cưỡng ép lấy đàn bà con gái dân lành làm vợ cả, vợ lẽ ở nơi trị nhậm...

2. Nét khác biệt trong các điều khoản có nội dung tương tự nhau

Nếu đối chiếu các bộ luật một cách chi tiết về từng điều luật có nội dung tương tự, có thể nhận thấy một số nét khác biệt, phản ánh sự kế

³⁰ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 3, tr.347.

³¹ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 3, tr.920-904.

³² Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 5, tr.218-219.

³³ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.65-148.

thừa có chọn lọc, thậm chí có phát huy, sáng tạo trong việc soạn luật của triều Nguyễn so với triều Lê.

Trong một số điều luật dành cho phụ nữ

Điều 385 của bộ luật triều Nguyễn cho phép đàn bà phạm tội trù tội gian dâm và tội phải tử hình, đều không bị giam giữ mà được giao cho chồng họ trông coi, nếu không có chồng thì giao cho người thân thuộc quản lý. Trong bộ luật triều Lê không có nội dung này.

Đối với phụ nữ mang thai phạm tội, Điều 385 của bộ luật triều Nguyễn quy định tương tự Điều 680 của bộ luật triều Lê, nhưng có thêm quy định cho phép bà đỡ vào ngục trông coi tù nhân đó: “Nếu phụ nữ mang thai phạm tử tội thì cho phép mẹ bà vào nơi giam cầm chăm sóc, cũng cho phép sau khi sinh nở 100 ngày mới hành hình”³⁴.

Đối với phụ nữ phạm một số tội, trừ tội gian dâm và phản nghịch, bộ luật triều Nguyễn cũng tương tự bộ luật triều Lê cho họ được chuộc tội bằng tiền. Nhưng trong Điều 19 của bộ luật triều Nguyễn có thêm quy định mà bộ luật triều Lê không có, đó là cho phép phụ nữ phạm tội được phép mặc áo quần khi bị đánh trượng, được miễn hình phạt thích chữ³⁵.

Nhìn chung về giới hạn hình phạt, bộ luật triều Nguyễn dành cho phụ nữ nhiều điều khoản tương đối khoan dung, rộng rãi. Người phụ nữ không chỉ được bảo vệ về nhân phẩm, mà còn được bảo vệ cả về thân thể. Có những nội dung chưa được đề cập trong bộ luật triều Lê.

Bộ luật triều Nguyễn quy định xử giảo chủ nhà tàn nhẫn đánh đập nô tỳ, con ở (Điều 282), xử lưu đày mẹ chồng tự ý đánh chết con dâu (Điều 252), xử giảo chồng tự ý đánh chết vợ (Điều 284). Trong bộ luật triều Lê, không có điều khoản quy định cụ thể như vậy, chỉ có điều 415 quy định: “Những kẻ mưu giết người, thì xử tội lưu đi châu gần; đã làm người ta bị thương thì xử tội lưu đi châu ngoài; nếu vì bị thương mà chết, thì xử tội giảo, đã giết chết thì xử tội chém...”³⁶.

Trong bộ luật triều Nguyễn, lần đầu tiên luật pháp Việt Nam đề cập đến hôn nhân của nô tỳ “Phạm nhà các quan hưu trí hay thứ dân, có nô tì

³⁴ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 5, tr.1023.

³⁵ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 2, tr.141.

³⁶ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.155.

gái mà không định bẽ đôi lứa cho họ để đến nỗi cô quả, phạt 80 trượng” (Điều 109)³⁷. Điều này chưa có trong bộ luật nhà Lê.

Như vậy, bộ luật triều Lê và bộ luật triều Nguyễn đều thể hiện được tính nhân văn, nhân đạo, qua những điều khoản có chú ý bảo vệ và tôn trọng lợi ích cá nhân của phụ nữ. Họ được bảo vệ về tính mạng, về thân thể, về phẩm tiết... ngay cả những phụ nữ phạm tội cũng được pháp luật quan tâm. Đối chiếu với bộ luật triều Lê, bộ luật triều Nguyễn có nhiều nội dung tương tự, phản ánh sự kế thừa truyền thống pháp luật và tính cách dân tộc.

Tuy nhiên, với yêu cầu củng cố và bảo vệ trật tự xã hội, củng cố chế độ gia trưởng và các nguyên tắc đạo đức phong kiến, đối với phụ nữ phạm các tội đánh ông bà cha mẹ, đánh thân thuộc bên chồng, hoặc thông gian, tự ý bỏ chồng..., trong những điều luật có nội dung tương tự nhau, bộ luật triều Nguyễn có mức xử phạt nặng hơn bộ luật triều Lê.

Theo bộ luật triều Nguyễn, phụ nữ dám chửi ông bà, cha mẹ hoặc ông bà, cha mẹ chồng thì bị xử giao (treo cổ), nếu đánh họ thì bị xử trảm (chém đầu), đánh chết họ thì bị xử lăng trì (cắt da thịt). Cùng tội tương tự, bộ luật triều Lê quy định có phần nhẹ hơn: tội chửi bị xử lưu, tội đánh thì xử lưu châu ngoài, tội đánh chết thì xử giao. Nếu phụ nữ phạm tội đánh anh em bên chồng, bộ luật triều Nguyễn xử như tội đánh chồng, bộ luật triều Lê xử như tội đánh người thường hoặc nhẹ hơn tội đánh chồng một bậc.

Điều 321 của bộ luật triều Lê³⁸, điều 108 của bộ luật triều Nguyễn³⁹ đều quy định phạt nặng đối với phụ nữ phạm tội tự ý bỏ nhà chồng, bỏ chồng lấy chồng khác.... Bộ luật triều Lê phạt mức nặng làm xuy thất tỳ (nô tỳ phục dịch trong nhà bếp), thung thất tỳ (nô tỳ phục dịch xay lúa giã gạo), còn bộ luật triều Nguyễn phạt đến mức xử đánh 100 trượng, đồ (khô sai) 3 năm.

Luật pháp triều Nguyễn cũng như luật pháp của triều Lê bảo vệ quyền thống trị của Nhà nước phong kiến tập quyền, bảo vệ lợi ích và đặc quyền của tầng lớp thống trị, củng cố tôn ty trật tự xã hội, chế độ gia trưởng... Pháp luật đề cao quyền lợi của người cha, người chồng, người tôn trưởng, thể hiện sự bất bình đẳng giữa người đàn ông và phụ nữ. Phụ

³⁷ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 3, tr.349.

³⁸ *Quốc triều hình luật* (luật hình triều Lê) (1991), bản dịch, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.123.

³⁹ Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long), bản dịch, Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tập 2, tr.343.

nữ phải chịu sự ràng buộc nhiều mặt của lễ giáo, song pháp luật thời này cũng có phần chú ý đến họ, không để họ mất hết quyền lợi. Bộ luật triều Nguyễn có lưu ý đến quyền lợi của người phụ nữ, đã kế thừa ở bộ luật triều Lê nhiều quy định, thậm chí có một số nét tỏ ra tiến bộ hơn. Chẳng hạn, bộ luật này cũng quan tâm đến việc bảo vệ thân thể, phẩm tiết, tính mạng cho người phụ nữ, quan tâm đến công lao, vị trí của họ trong gia đình chồng, còn quan tâm đến tuổi xuân của những người con gái đã được hứa gả mà nhà trai trì hoãn việc cưới, quan tâm tới hôn nhân của nô tỳ, con ở, thừa nhận quyền được có chồng của phụ nữ, cho phép người phụ nữ được chủ động ly hôn, thuận tình ly hôn, cho phép con dâu có quyền không bị mẹ chồng mưu giết, không bị anh em nhà chồng đánh đập, không bị chồng bỏ nếu không phạm tội, phụ nữ có thai khi phạm tội tử được bà mẹ vào ngục trông coi, được mặc quần áo khi phải chịu hình phạt, không bị thích chữ vào mặt... Đối với những hành vi của phụ nữ trái với quy phạm pháp luật, trái với đạo lý như hung dữ, lăm điều, bất hiếu với ông bà cha mẹ cũng như ông bà cha mẹ chồng, đánh chồng, gian dâm... luật triều Nguyễn thường phạt nặng hơn so với luật triều Lê, thường xử đến mức tử hình.

Có thể nhận định rằng bộ luật triều Nguyễn đã kế thừa được tinh thần nhân đạo trong bộ luật triều Lê, đồng thời tiếp tục phát triển và hoàn thiện thêm nền pháp luật của dân tộc.

Trong một số điều luật dành cho quan lại

Luật triều Nguyễn cũng như luật triều Lê đều *cấm quan lại ăn hối lộ, sách nhiễu dân*. Trong bộ luật triều Nguyễn có điều 312 quy định về trừng trị quan chức phạm tội nhận hối lộ làm trái pháp luật: “Quan lại nhận hối lộ bị xử tội tình theo tang vật, người không có lương lộc thì giảm 1 bậc tội, quan thì bị truy đòi các cáo sắc, phẩm tước và bị xoá tên trong sổ bộ quan, lại thì bị bãi dịch, thôi chức; số tang từ 1 lạng bạc trở xuống xử phạt 70 trượng, từ 1 đến 5 lạng bạc xử phạt 80 trượng... đến 80 lạng xử tội giảo giam hậu”.

Tương tự, điều 138 của bộ luật triều Lê quy định: “Quan ty làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ 1 quan đến 9 quan thì xử tội biếm hay bãi chức, từ 10 quan đến 19 quan thì xử tội đồ hay lưu, từ 20 quan trở lên thì xử tội chém...”.

Đối chiếu hai điều luật này, ta thấy luật nhà Nguyễn tương tự luật nhà Lê và có mức trừng trị nhẹ hơn. Thời Lê, nhận hối lộ trên 20 quan bị xử chém. Thời Nguyễn, nhận hối lộ 80 lạng bạc bị xử treo cổ nhưng còn giam chờ.

Về giá bạc trung bình bấy giờ, dưới triều Gia Long 1 lạng bạc giá 2 quan 8 tiền⁴⁰, dưới triều Minh Mệnh, “cứ 10 lạng bạc giá 50 quan tiền”⁴¹.

Về *chức trách của quan lại*, điều 349 bộ luật triều Lê phạt nặng những quan lại không tâu bày việc dân cho nhà vua biết: “Trong hạt có nơi bị lụt, hạn, mưa đá, sâu keo, châu chấu phá hại lúa má, quan chủ ty đáng phải tâu mà không tâu hay là tâu sai sự thật thì xử tội trượng hay phạt. Quan kiểm tra không xét đúng sự thực thì biếm 3 tư và bãi chức”.

Nhà làm luật triều Nguyễn biên soạn nội dung này trong điều 85: “Phàm trong bộ hạt có những ruộng, thóc thuê bị tổn hại về nạn lụt, hạn, sương mưa đá và loài sâu làm hại, quan lại có trách nhiệm đáng phải nhận đơn báo cáo mà không kiểm tra trình báo, kiểm tra tận nơi và thượng ty cai quản hạt ấy không sai quan ủy nhiệm đến kiểm tra lại, đều phải phạt 80 trượng”.

Trong quy định trên, mức phạt của luật nhà Nguyễn là 80 trượng trong khi luật nhà Lê phạt đến bãi chức.

Trong bộ luật triều Nguyễn, có điều 153 quy định: “Phàm trong nước chính lệnh hay hay dở, quân dân lợi hay hại, hết thảy những việc làm nên ích lợi, trừ bỏ tệ hại, đều do quan sáu bộ vào tâu trình trước mặt vua đợi chỉ khu xử và quan khoa đạo, đốc phủ (tổng đốc, tuần phủ) đều tâu bày ý kiến của mình, phải nói thẳng không được ân giấu”.

Nội dung này tương tự điều 625 của bộ luật triều Lê cấm các quan đại thần *giấu diếm lời tâu bày* về tình trạng của dân: “Quan đại thần và các quan tâu việc, biết có điều bất tiện, hại đến quân dân mà không hết sức giải bày để bỏ điều ấy đi, thì xử tội biếm hay bãi chức. Nếu a dua trước mặt để thuận ý vua, lúc lui châu lại nói khác, thì xử tội đồ hay tội lưu”.

Đối với một số trường hợp quan lại *lười biếng, bê trễ trong công việc*, bộ luật triều Nguyễn có điều 55 quy định “Phàm các quan viên lớn nhỏ, không có duyên cớ gì mà ở trong kinh không vào châu, ở ngoài tỉnh không ra công đường làm việc, quan viên lại dịch nào nghỉ phép hết hạn, không có duyên cớ gì mà không đến giữ chức làm việc, bỏ 1 ngày thì phải phạt xuy 10 roi, cứ 3 ngày tội lại gia nặng thêm một bậc, nhưng tội đều chỉ đến phạt 80 trượng, đều được lưu lại chức dịch”.

Nội dung này tương tự như điều 100 và 199 của bộ luật triều Lê. Điều 100 quy định: “Các quan tại chức không có lý do mà không vào châu,

⁴⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Viện Sử học, tập 4, tr. 170.

⁴¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (1963), *Đại Nam thực lục*, bản dịch của Viện Sử học, tập 24, tr. 313.

hay là nhân xin phép mà nghỉ kéo dài hạn thêm hàng tuần hàng tháng, phải phạt 10 quan. Các hình quan không có lý do mà không họp hội đồng để xử kiện thì cũng xử phạt như thế. Các quan tại chức mà không có lý do không đến nơi làm quan, thì phải phạt biếm hay bãi chức, quá 3 tháng thì xử tội đồ hay lưu”. Điều 199 ghi rõ: “Các quan đang tại chức mà trễ nhác việc công thì bị phạt 70 trọng, biếm 3 tư và bãi chức”.

Như vậy, luật triều Lê phạt 10 quan tiền khi quan lại bỏ việc tới 1 tháng, nhưng luật triều Nguyễn phạt 10 roi khi mới bỏ việc 1 ngày. Tuy nhiên, luật triều Nguyễn chỉ xử đến mức 80 trọng và vẫn giữ nguyên chức cho vị quan phạm lỗi, còn luật triều Lê xử đến mức bãi chức, đồ, lưu. Luật triều Nguyễn đã quy định cụ thể hơn về mức phạt dựa trên số ngày làm việc chậm trễ, lười biếng.

Theo điều 119 của bộ luật triều Lê, quan lại để chậm trễ, không ban ngay những chiếu, chế, sắc trong ngày sẽ bị phạt 50 roi, trễ 3 ngày thêm một bậc, phạt đến mức đồ làm khao đình (phu nhỏ cỏ ruộng, cắt cỏ cho chuồng voi), chép lại các chiếu, chế, sắc bị sai cũng phải chịu phạt như vậy. Nếu để chậm các giấy tờ việc quan 1 ngày bị phạt 30 roi, 3 ngày thêm một bậc. Điều 121 quy định thêm rằng: “Việc công đáng phải làm, mà lần chần để chậm lại, hay những việc phải định do hội đồng, mà làm trái lệ (như việc họp châu hay tính số thuế) thì xử tội biếm, hay bãi chức theo tội nặng nhẹ”.

Bộ luật triều Nguyễn cũng có điều 60 quy định về việc này: “Phàm có chế thư ban xuống để thi hành việc gì mà *có ý làm trái đi* thì phải phạt 100 trọng... Người nào để chậm chế thư lại 1 ngày thì phạt xuy 50 roi, cứ mỗi ngày lại gia nặng thêm một bậc, nhưng tội chỉ phạt đến 100 trọng thôi”. Điều 65 quy định phạt về tội để chậm giấy tờ việc công: “Phàm giấy má việc quan để chậm quá hạn tâu trình 1 ngày thì lại điển phải phạt xuy 10 roi, cứ 3 ngày lại gia nặng thêm một bậc nhưng tội chỉ đến phạt xuy 40 roi”. Như vậy, theo luật nhà Lê, quan chức để chậm giấy tờ việc quan 1 ngày bị phạt 30 roi, nhưng theo luật Nguyễn, để chậm 1 ngày bị phạt 50 roi. Luật nhà Nguyễn còn phân biệt quan và lại khi trừng phạt, cùng một sự việc là để chậm trễ việc công 1 ngày quan bị phạt 50 roi, còn lại chỉ bị phạt 10 roi.

Luật nhà Nguyễn cũng có những điều quy định giống với luật nhà Lê khi cầm quan lại *ý quyền thế bức bách dân*. Chẳng hạn, trong bộ luật triều Nguyễn có điều 81 quy định như sau: “Phàm quan có trách nhiệm sai dân trong bộ thuộc làm việc riêng và quan trông coi thợ sai phu, thợ làm việc riêng xa ngoài 100 dặm và chiếm giữ ở nhà mình lâu ngày để

sai bảo, sai riêng một người phải phạt xuy 40 roi, cứ 5 tên nữa lại gia nặng lên một bậc, nhưng chỉ phạt đến 80 trượng”.

Nội dung này được trình bày giống với điều 571 trong bộ luật triều Lê: “Những phu thợ đang làm việc mà quan chủ ty giám đượng lại sai làm việc riêng, thì bị xử tội biếm hay bãi chức, và phải trả tiền công thuê nộp vào kho”.

Trong bộ luật triều Nguyễn, có điều 317 quy định “quan lại đang làm việc nơi nào thì *không được sắm mua ruộng vườn* nơi ấy”, điều 88 nêu rõ “mua ruộng, cất nhà không phải là việc của Nhà nước” và “phạt 50 roi, giải nhiệm” những quan lại vi phạm.

Điều này giống với điều 370 bộ luật triều Lê cấm quan lại “chiếm đoạt nhà cửa ruộng đất ao đầm của lương dân”, xử phạt nếu chiếm 1 mẫu, xử biếm chức nếu chiếm từ 5 mẫu trở lên.

Trong bộ luật triều Nguyễn, có điều 103 quy định như sau: “Phàm các phủ, huyện châu là quan thân dân, *lấy đàn bà, con gái nhà dân* trong hạt mình cai trị làm vợ cả hoặc làm vợ lẽ, phải phạt 80 trượng”.

Điều này tương tự với điều 316 của bộ luật triều Lê răn đe: “Các quan ty ở trấn ngoài mà *lấy đàn bà con gái ở trong hạt mình*, thì xử phạt 70 trượng, biếm 3 tư và bãi chức”.

Bộ luật triều Nguyễn có những quy định về việc trị tội quan lại *vô trách nhiệm* trong quan hệ với dân, chẳng hạn điều 192: “Phàm quan chức dân thường ngày không biết đến chữ võ vè, lại làm lắm việc phi pháp khiến họ không thể chịu đựng nổi, những kẻ kích thích biến loạn trong lương dân nhân đó mà gom dân làm phản để mất thành trì, tội chém (giam chò)”, điều 63 thì quy định: “Phàm quan châu, huyện không báo rõ cho thượng ty biết về trường hợp thường dân bị bệnh tật khổ sở, khiến dân không biết kêu ca vào đâu thì quan lại sở tại ấy bị cách chức vĩnh viễn. Nếu đã báo lên mà thượng ty không tiếp chuẩn đề đạt thì (thượng ty) bị cách chức”.

Tương tự, trong điều 284 của bộ luật triều Lê: “Các quan ty làm việc ở ngoài nếu không biết làm việc lợi, trừ việc hại, để đến nỗi trăm họ phải phiêu bạt nơi khác, hộ khẩu bị hao hụt và có trộm cướp tụ họp ở trong hạt, thì xử tội bãi chức hay tội đồ...”.

Ngoài ra, luật nhà Nguyễn cũng giống luật nhà Lê ở nội dung trừng trị tội *lạm quyền* của quan chức. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm giữ kỷ cương quyền lực được quy định bằng luật.

Về việc đặt quan lại trong nha môn, điều 97 của bộ luật triều Lê quy định: “Quan lại đặt ra có số nhất định, nếu bỏ dụng hay đặt ra quá hạn định, hay không nên đặt mà đặt ra thì thừa một viên phải phạt 60 trượng, biếm 2 tư và bãi chức, thừa 2 viên trở lên thì bị tội đồ...”.

Quy định về việc này trong điều 49 bộ luật triều Nguyễn như sau: “Phạm quan chức ở các nha môn trong kinh, ngoài các tỉnh, số viên chức đã có ngạch nhất định, nha nào đặt thêm ra nhiều, thì quan lại giữ việc đặt ra ấy đặt thừa một người thì phải phạt 100 trượng, cứ 3 người lại gia lên một bậc, nhưng tội chỉ đến phạt 100 trượng, đồ 3 năm”. Mức phạt quan chức trong việc tự ý lạm đặt thêm nhân viên của luật nhà Nguyễn có phần nặng hơn luật nhà Lê. Luật nhà Lê phạt đến bãi chức là cùng, luật nhà Nguyễn phạt tới mức đánh 100 trượng, lao dịch 3 năm.

Một số điều luật dành cho *quan võ* cũng có sự tương tự giữa luật triều Nguyễn và luật triều Lê. Trong bộ luật triều Lê, điều 257 quy định: “Những quan tướng hiệu không siêng năng huấn luyện quân sĩ, lại sai quân lính làm việc riêng cho nhà mình, cùng là định để lấy tiền hay ăn bớt, việc nhẹ thì xử tội đồ hay lưu, việc nặng thì xử tội lưu”. Nhà làm luật triều Nguyễn chép nội dung này trong điều 191 của bộ luật như sau: “Phạm quân thủ ngự ở các xứ ở biên giới hay ở nội địa không giữ kỷ luật, không chịu rèn tập quân lính, thành trì không bồi đắp cho kiên cố, áo giáp, khí giới không chỉnh đốn, người nào mới phạm lần đầu thì phải phạt 80 trượng, phạm lần thứ hai thì phải phạt 100 trượng”.

So sánh những điều luật dành cho quan lại trong bộ luật triều Nguyễn và bộ luật triều Lê, có thể thấy một điểm chung nổi bật. Ở điều luật nào, dù mang tính hình sự (hối lộ, tham nhũng) hay không hình sự (cưới vợ cả, mua vợ lẽ, chiếm đoạt ruộng đất ở nơi trị nhậm, bê trễ trong công việc...), đều có quy định hình thức xử phạt (giáng cấp, bãi chức, đánh roi, đánh gậy, lưu đày, lao dịch khổ sai...). Trong đa số các trường hợp, luật nhà Nguyễn dù phạt rất nặng nhưng vẫn lưu chức cho quan lại phạm tội. Trong khi đó, hình thức giáng cấp, bãi chức rất thường gặp trong các điều luật của nhà Lê.

3. Kết luận

Qua phân nghiên cứu đổi chiều trên đây, có thể cho rằng, mặc dầu có sự mô phỏng và chịu ảnh hưởng nền pháp luật phong kiến Trung Hoa, *Quốc triều hình luật* và *Hoàng Việt luật lệ* vẫn có dấu ấn đậm nét Việt Nam, là những di sản quý báu, những thành tựu có giá trị trong lịch sử pháp luật Việt Nam.

Di sản lịch sử trên có một ý nghĩa đáng kể đối với ngày nay: Bộ luật triều Lê và bộ luật triều Nguyễn có những giá trị nhân đạo, nhân văn của pháp luật phong kiến, có những điều phù hợp với truyền thống dân tộc, với yêu cầu gìn giữ nền tảng quốc gia bấy giờ. Cả hai bộ luật đều có những quy định bảo vệ địa vị và thân phận của người phụ nữ trong hôn nhân gia đình và sở hữu tài sản. Cả hai bộ luật đều rất chú trọng chức trách của quan lại trong công việc và trong quan hệ với dân. Những vấn đề thiết yếu của đội ngũ điều hành và thừa hành công việc nhà nước bấy giờ đã được luật đề cập: chống gian dối và trá truyền chiếu lệnh, chống gây bè cánh, chống tham nhũng và hối lộ, chống làm việc bê trễ, cầu thả, lười biếng, chống cậy quyền thế sách nhiễu dân..., kế thừa một giá trị lớn của tư tưởng pháp luật dân tộc, đó là tinh thần vì sự yên dân mà nghiêm khắc trừng trị quan lại thối nát, tàn bạo. Nhà làm luật thời Lê, thời Nguyễn đã tham khảo, kế thừa pháp luật truyền thống, pháp luật Trung Hoa với ý thức tiếp thu có chọn lọc, góp phần làm nên tinh cách dân tộc của pháp luật phong kiến Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thành (Tổng tài), Vũ Trinh, Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ*, (luật Gia Long), bản dịch. Nxb. Văn hóa -Thông tin, Hà Nội.
2. Phan Huy Lê (1999), *Tìm về cội nguồn*. Nxb. Thế giới, Hà Nội.
3. *Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục* (1963), bản dịch của Viện Sử học, Hà Nội, tập 4.
4. *Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục* (1971), bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Khoa học xã hội, tập 24.
5. Viện Sử học (1991), *Quốc triều hình luật – Luật hình triều Lê*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, tr.15 - 17.
6. *Ta Tsing Leu Lee* [Đại Thanh luật lệ] (1966), bản dịch của George Thomas Staunton, (London, 1810), tái bản (Taipei : Ch'eng-wen Publishing Co.).